

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2017/DS-ST

Ngày: 15/9/2017

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tài.

2. Ông Dương Văn Phúc .

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.*

Ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2017/TLST-DS ngày 8 tháng 8 năm 2017 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2459/2017/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N - Chi nhánh huyện P, tỉnh Bến Tre. Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Bé H – Chức vụ: Giám đốc (Theo quyết định số: 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Agribank). Ông Trần Văn Bé H ủy quyền lại cho ông Nguyễn Văn T – Phó Giám đốc Chi nhánh. Theo văn bản ủy quyền ngày 14/9/ 2017 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng N.

Địa chỉ: số 215/3, ấp T, thị trấn T, huyện P, tỉnh Bến Tre;

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1946;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị V, sinh năm: 1955;

Cùng địa chỉ : số nhà 55/3 ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre;

(Tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Chi nhánh Ngân hàng N Chi nhánh huyện P, tỉnh Bến Tre ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 28/3/2013, ông Nguyễn Văn H có ký hợp đồng vay nợ với Ngân hàng A - Chi nhánh huyện P , tỉnh Bến Tre với số vốn vay là 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng theo hợp đồng tín dụng số LAV201302894 ngày 28/3/2013; vay theo phương thức từng lần và có biện pháp bảo đảm cho khoản tiền vay trên là Quyền sử dụng đất (QSDĐ) diện tích 1401,5m² thuộc thửa 133, tờ bản đồ số 18 và

173m² thuộc thửa 342, tờ bản đồ 18 và 274m² thuộc thửa 166, tờ bản đồ số 18. Thời hạn vay là 96 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: sửa chữa nhà ở, thời hạn trả cuối cùng: 28/3/2021. Lãi suất cho vay 15%/năm, lãi suất quá hạn: 22,5%/ năm nhưng lãi suất cho vay trong hợp đồng là lãi suất thả nổi, thay đổi linh hoạt theo lãi suất thị trường và phù hợp với mức lãi suất theo quy định của Chi nhánh Ngân hàng N nên trong quá thực hiện hợp đồng từng lúc Ngân hàng có điều chỉnh mức lãi suất quá hạn, cụ thể như: từ ngày 15/7/ 2014 mức lãi suất quá hạn được tính 18, 72%/ năm, từ ngày 29/10/ 2014 đến nay mức lãi quá hạn được tính là 18%/ năm. Trong thời gian vay ông H đã trả vốn cho Ngân hàng số tiền là 10.000.000 đồng nhưng số tiền lãi kể từ khi vay đến nay ông H không đóng cho Ngân hàng. Ngân hàng N có cử nhân viên đến nhà ông H nhiều lần để yêu cầu thực hiện hợp đồng nhưng ông H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị V không thực hiện đúng theo thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Tại phiên hòa giải ngày 24/8/2017 ông H có hứa hẹn đến ngày 08/9/2017 sẽ trả hoàn tất số nợ trên cho Ngân hàng nhưng đến nay ông H và bà V vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng như ông H đã cam kết. Nên Ngân hàng yêu cầu ông H và bà V phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là: 230.796.749 đồng. Trong đó nợ gốc là 140.000.000 đồng, nợ lãi: 90.796.749 đồng. Sau khi án có hiệu lực pháp luật nếu ông H và bà V không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là các thửa đất nêu trên để thu hồi nợ.

Theo bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị V trình bày:

Ông H và bà V thừa nhận vào năm 2013 ông, bà có bàn bạc thống nhất ký hợp đồng vay của Ngân hàng N số tiền là: 150.000.000 đồng để sửa chữa nhà ở, và có thể chấp 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản vay trên. Về lãi suất, phương thức vay, thời hạn vay ông bà thống nhất với nội dung mà phía Ngân hàng trình bày. Trong thời gian vay ông chỉ trả vốn cho Ngân hàng được 10.000.000 đồng, riêng số tiền lãi từ khi vay cho đến nay ông, bà không thực hiện đóng lãi cho Ngân hàng khoản tiền nào.

Nay theo yêu cầu của Ngân hàng N ông H, bà V đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi tính đến ngày xét xử là ngày 19/9/2017 với tổng số tiền là 230.796.749 đồng. Tại phiên hòa giải ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú ông, bà có hứa hẹn đến ngày 08/9/2017 sẽ trả hoàn tất số nợ trên cho Ngân hàng nhưng ông, bà chưa lo được tiền nên không thể thực hiện việc trả nợ như đã hứa hẹn. Nay ông yêu cầu được trả dần số tiền trên làm 02 lần, trả trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày 15/9/ 2017 ông , bà sẽ trả hoàn tất số tiền trên là 230.796.749 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện P, tỉnh Bến Tre thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Ông Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bến nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] *Về nội dung tranh chấp*: Tại tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị V thống nhất số tiền mà ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị V đã vay và còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 15/9/2017 tổng số tiền là: 230.796.749 đồng. Trong đó nợ gốc là 140.000.000 đồng, nợ lãi: 90.796.749 đồng. Ngân hàng N yêu cầu ông H và bà V phải trả cho Ngân hàng số tiền như đã nêu trên một lần Nếu ông bà không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là các thửa đất nêu trên để thu hồi nợ. Ông H và bà V thừa nhận có vay số nợ như trên và đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền này nhưng hiện tại ông, bà đang gặp khó khăn về kinh tế không thể trả nợ nên yêu cầu Ngân hàng cho ông, bà trả dần cho Ngân hàng số tiền trên.

[3] Xét yêu cầu trên của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện P, tỉnh Bến Tre Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng N với ông Nguyễn Văn H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, không bị lừa dối hay ép buộc; cả hai bên đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Sau khi ký kết hợp đồng vay tài sản với Ngân hàng N - Chi nhánh huyện P, ông H và bà V đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng lãi cũng như trả vốn cho Ngân hàng theo đúng thời hạn như đã giao kết là đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Do đó, Ngân hàng có yêu cầu ông H, bà V phải trả số tiền 230.796.749 đồng. Trong đó nợ gốc là 140.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 19/9/2017 với số tiền là 90.796.749 đồng là có căn cứ và phù hợp với Điều 476 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu trả dần của ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị V Hội đồng xét xử xét thấy: yêu cầu trên là không phù hợp bởi lẽ việc ông H và bà V chiếm dụng số tiền của Ngân hàng N trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng; Ngân hàng cũng đã tạo điều kiện để ông H bà V trả nợ nhưng ông bà không thực hiện đúng theo thỏa thuận. Mặt khác yêu cầu trả dần trên của ông H và bà V không được người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chấp nhận.

[5] Xét thấy tại thời điểm vay cũng như đến thời điểm xét xử mối quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà V vẫn còn tồn tại, mặt khác trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà Võ Thị V cũng đồng ý cùng với ông Nguyễn Văn H trả cho Ngân hàng số tiền trên. Do đó, buộc bà V có trách nhiệm liên đới cùng với ông Nguyễn Văn H trả cho Ngân hàng số tiền 230.796.749 đồng là có căn cứ, phù hợp với các Điều 474, 476 và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất (QSDĐ) thuộc các thửa: thửa 133, diện tích 1401.5 m², thửa 342, diện tích 173m² và thửa 166, diện tích 274m², cùng tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại xã Tân Phong, huyện Thạnh Phú để thu hồi nợ trong trường hợp ông H, bà V không tự nguyện thi

hành án Hội đồng xét xử xét thấy: Khoản vay trên có bảo đảm tài sản là quyền sử dụng đất. Do đó, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông H, bà V không tự nguyện thi hành án là phù hợp theo những điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp QSDĐ và tài sản gắn liền với đất số: LAV2013.2894/HĐTC ngày 28/3/2013 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện P, tỉnh Bến Tre với ông H, bà V nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị V có nghĩa vụ liên đới nộp án phí theo quy định định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chi nhánh Ngân hàng N – Chi nhánh huyện P, tỉnh Bến Tre. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị V có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền: 230.796.749 (Hai trăm ba mươi triệu bảy trăm chín mươi sáu ngàn bảy trăm bốn mươi chín) đồng. Trong đó nợ gốc là 140.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 19/9/2017 là: 90.796.749 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp ông H và bà V không tự nguyện thi hành án đối với số tiền trên thì tài sản đảm bảo cho số tiền vay là quyền sử dụng đất: thửa 133, diện tích 1401.5 m². Theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: AI463899, thửa 342, diện tích 173m². Theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: AI482577 và thửa 166, diện tích 274m². Theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: AI463926, cùng tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại xã Tân Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Do Ủy ban nhân dân huyện cấp cho ông H và bà V vào ngày 14/11/ 2008 được xử lý bán đấu giá trong giai đoạn thi hành án để bảo đảm thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng N.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị V có nghĩa vụ liên đới nộp: 11.539.837 (Mười một triệu năm trăm ba mươi chín ngàn tám trăm ba mươi bảy) đồng.

Chi nhánh Ngân hàng N – chi nhánh huyện P được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.656.000 (Năm triệu sáu trăm năm mươi sáu ngàn) đồng theo biên lai thu số: 0010731 ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- VKSND huyện Thanh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Đào Hồng Vân

